

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BUÔN ĐƠN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số 06/2021/DSST.

Ngày 01/3/2021.

V/v: *Tranh chấp hợp
đồng tín dụng.*

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc**

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BUÔN ĐƠN -TỈNH ĐẮK LẮK.**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Xuân Sơn.

Các hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mai Thu và bà Võ Thị Liên.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đinh Ngọc Lương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Buôn Đơn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 3 năm 2021 tại Tòa án nhân dân huyện Buôn Đơn, tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 138/2020/TLST- DS ngày 15 tháng 12 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2021/QĐXXST-DS ngày 05/01/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST- DS ngày 22/01/2021 và số 02/2021/QĐST- DS ngày 08/02/2021. Giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ: Đường L, Quận B, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – chức vụ: Tổng giám đốc.

2/ Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Vũ N – chức vụ: Giám đốc Chi nhánh huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

3/ Người được ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Hồ H, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch T, huyện B, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

4/ Bị đơn: Ông Vương Văn B (có mặt), bà Lương Thị K (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Hồ H trình bày như sau:

Vợ chồng ông Vương Văn B bà Lương Thị K vay theo hợp đồng tín dụng số 5213LAV201801694 ngày 14/6/2018 cụ thể:

Khoản vay thứ nhất: Ngày 14/6/2018 vay 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng), lãi trong hạn 12%/năm, quá hạn bằng 150%/ so với lãi trong hạn, thời hạn vay 36 tháng, trả nợ theo kỳ trả vào ngày 14/6 hàng năm. Ngày 17/6/2019 trả gốc được 50.000.000 đồng, còn lại 110.000.000 đồng, như vậy khoản vay ngày 14/6/2018 còn nợ

gốc 110.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 01/3/2021 là nợ trong hạn 15.126.575 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.386.301 đồng, cộng nợ gốc nợ lãi trong hạn, quá hạn 131.512.876 đồng.

Khoản vay thứ hai: Ngày 18/6/2019 vay 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) lãi trong hạn 12%/năm, quá hạn bằng 150%/ so với lãi trong hạn, thời hạn vay 24 tháng, trả nợ theo kỳ vào ngày 14/6 hàng năm, tính đến ngày 01/3/2021 còn nợ gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn 9.797.260 đồng, nợ lãi quá hạn 638.630 đồng, cộng gốc, lãi trong hạn, quá hạn 60.435.890 đồng.

Tài sản thế chấp để đảm bảo 02 khoản vay theo hợp đồng thế chấp số 48/2017-TN ngày 06/6/2017 gồm 02 thửa đất:

- Thửa đất số 67, tờ bản đồ số 68, diện tích 6.128,9m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 753326 do UBND huyện C cấp ngày 26/5/2016 địa chỉ thửa đất xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk cho người sử dụng đất ông Vương Văn B và bà Lương Thị K.

- Thửa đất số 40, tờ bản đồ số 68, diện tích 6.697,4m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 753325 do UBND huyện C cấp ngày 26/5/2016 địa chỉ thửa đất xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk cho người sử dụng đất ông Vương Văn B và bà Lương Thị K.

Quá trình vay vợ chồng ông B, bà K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi theo kỳ, vì vậy đề nghị Tòa án buộc vợ chồng ông B, bà K trả toàn bộ các khoản nợ nêu trên và tiền lãi phát sinh tính từ ngày 02/3/2021 theo hợp đồng tín dụng số 5213LAV201801694 ngày 14/6/2018 của 02 khoản vay cho đến khi trả hết nợ. Nếu vợ chồng ông B, bà K không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ, đề nghị Tòa án yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp số 48/2017-TN ngày 06/6/2017 đã ký kết giữa các bên để thu hồi nợ.

- Ông Vương Văn B trình bày: Các khoản tiền vay và tài sản thế chấp theo như trình bày của Ngân hàng là đúng, nay vợ bỏ đi khỏi địa phương không rõ địa chỉ, gia đình khó khăn không có khả năng trả nợ, đề nghị Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp để khấu trừ nợ vay.

Đối với bà Lương Thị K: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay vắng mặt nên không ghi được ý kiến của bà Lương Thị K.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bà Lương Thị K vắng mặt, trong quá trình giải quyết Tòa án nhân dân huyện B đã niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng bà K vẫn không có mặt. Tại phiên tòa xét thấy việc vắng mặt của bà K không ảnh hưởng đến vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là đúng quy định của pháp luật.

+ *Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 4 Điều 91, Điều 186, và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 280, Điều 299, Điều 319, Điều 323, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng A – Chi nhánh huyện B, tỉnh Đắk Lắk, Phòng giao dịch T. Buộc vợ chồng ông Vương Văn B, bà Lương Thị K có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A – Chi nhánh huyện B, Phòng giao dịch T số tiền nợ gốc, nợ lãi của 02 khoản vay theo Hợp đồng tín dụng (5213LAV201801694 ngày 14/6/2018), tính đến ngày 01/03/2021 gồm:

- Khoản vay ngày 14/6/2018 nợ gốc 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng, nợ lãi trong hạn 15.126.575 đồng, nợ lãi quá hạn 6.386.301 đồng. Tổng cộng nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn là: 131.512.876đ (một trăm ba mươi một triệu, năm trăm mười hai nghìn, tám trăm bảy mươi sáu đồng)

- Khoản vay ngày 18/6/2019 nợ gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn 9.797.260 đồng, nợ lãi quá hạn 638.630 đồng. Tổng cộng nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn là: 60.435.890đ (sáu mươi triệu, bốn trăm ba mươi lăm nghìn, tám trăm chín mươi đồng) và tiền lãi phát sinh của hai khoản vay kể từ ngày 02/03/2021 theo hợp đồng tín dụng số 5213LAV201801694 ngày 14/6/2018 cho đến khi trả hết nợ, nếu vợ chồng ông Vương Văn B, bà Lương Thị K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A – Chi nhánh huyện B, tỉnh Đắk Lắk, Phòng giao dịch T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản số 48/2017-TN ngày 06/6/2017 để thu hồi nợ gồm:

- Thửa đất số 67, tờ bản đồ số 68, diện tích 6.128,9m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 753326 do UBND huyện C cấp ngày 26/5/2016 địa chỉ thửa đất xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk cho người sử dụng đất Vương Văn B và Lương Thị K.

- Thửa đất số 40, tờ bản đồ số 68, diện tích 6.697,4m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 753325 do UBND huyện C cấp ngày 26/5/2016 địa chỉ thửa đất xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk cho người sử dụng đất Vương Văn B và Lương Thị K.

- Về án phí: Các đương sự phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ được thu thập có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay bà Lương Thị K vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án đã niêm yết văn bản tố tụng hợp lệ. Xét thấy việc vắng mặt của bà K không ảnh hưởng đến vụ án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà K theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:* Vợ chồng ông Vương Văn B và bà Lương Thị K vay số tiền tại Ngân hàng A – Chi nhánh huyện B, tỉnh Đắk Lắk, Phòng giao dịch T các khoản tiền theo hợp đồng tín dụng số 5213LAV201801694 ngày 14/6/2018 gồm:

Khoản vay thứ nhất: Ngày 14/6/2018 vay 160.000.000đ (một trăm sáu mươi triệu đồng), lãi trong hạn 12%/năm, quá hạn bằng 150%/ so với lãi trong hạn, thời hạn vay 36 tháng, trả nợ theo kỳ trả vào ngày 14/6 hàng năm.

Ngày 17/6/2019 trả gốc được 50.000.000 đồng, còn lại 110.000.000 đồng, như vậy khoản vay ngày 14/6/2018 còn nợ gốc 110.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 01/3/2021 là nợ trong hạn 15.126.575 đồng, nợ lãi quá hạn là 6.386.301 đồng, công nợ gốc nợ lãi trong hạn, quá hạn 131.512.876 đồng.

Khoản vay thứ hai: Ngày 18/6/2019 vay 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) lãi trong hạn 12%/năm, quá hạn bằng 150%/ so với lãi trong hạn, thời hạn vay 24 tháng, trả nợ theo kỳ vào ngày 14/6 hàng năm, tính đến ngày 01/3/2021 còn nợ gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn 9.797.260 đồng, nợ lãi quá hạn 638.630 đồng, cộng gốc, lãi trong hạn, quá hạn 60.435.890 đồng.

Tài sản thế chấp để đảm bảo 02 khoản vay theo hợp đồng thế chấp số 48/2017-TN ngày 06/6/2017 gồm 02 thửa đất:

- Thửa đất số 67, tờ bản đồ số 68, diện tích 6.128,9m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 753326 do UBND huyện C cấp ngày 26/5/2016 địa chỉ thửa đất xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk cho người sử dụng đất ông Vương Văn B và bà Lương Thị K.

- Thửa đất số 40, tờ bản đồ số 68, diện tích 6.697,4m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 753325 do UBND huyện C cấp ngày 26/5/2016 địa chỉ thửa đất xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk cho người sử dụng đất ông Vương Văn B và bà Lương Thị K.

Xét hợp đồng tín dụng số 5213LAV201801694 ngày 14/6/2018 được ký giữa Ngân hàng A, Chi nhánh B, tỉnh Đắk Lắk, phòng giao dịch T và vợ chồng ông Vương Văn B và bà Lương Thị K là hoàn toàn tự nguyện, đúng quy định của pháp luật, hợp đồng tín dụng có hiệu lực các bên phải thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo hợp đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa bà Lương Thị K vắng mặt, không ghi được ý kiến của bà K nhưng căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời trình bày của ông Vương Văn B Hội đồng xét xử đủ cơ sở khẳng định 02 khoản vay nêu trên đề do hai vợ chồng ông B, bà K xác lập, thực hiện và các khoản vay đều nhằm mục đích thiết yếu cho gia đình. Do trong quá trình vay vợ chồng ông Vương Văn B và bà Lương Thị K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, nợ lãi theo kỳ. vì vậy phía nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ. Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn để buộc bị đơn vợ chồng ông Vương Văn B, bà Lương Thị K phải trả cho Ngân hàng A – Chi nhánh huyện B, tỉnh Đắk Lắk, Phòng giao dịch T số nợ gốc, nợ lãi nêu trên.

[3] Xét hợp đồng thế chấp số 48/2017-TN ngày 06/6/2017 là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối hay ép buộc. Các bên không có phản đối hay có ý kiến gì

khác; các điều khoản trong hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật; đồng thời hợp đồng thể chấp được chứng thực tại UBND xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 09/6/2017 và được đăng ký ngày 13/6/2017 tại Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, hợp đồng thể chấp có hiệu lực nên yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng khi người vay không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ là đúng pháp luật, được chấp nhận.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tại phiên tòa là phù hợp nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí: các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ theo quy định của pháp luật. Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 4 Điều 91, Điều 186, và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 280, Điều 299, Điều 319, Điều 323, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2011; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng A – Chi nhánh huyện B, tỉnh Đắk Lắk, Phòng giao dịch T.

1. Buộc vợ chồng ông Vương Văn B, bà Lương Thị K có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A – Chi nhánh huyện B, tỉnh Đắk Lắk, Phòng giao dịch T số tiền nợ gốc, nợ lãi của 02 khoản vay theo Hợp đồng tín dụng (5213LAV201801694 ngày 14/6/2018), tính đến ngày 01/03/2021 gồm:

- Khoản vay ngày 14/6/2018 nợ gốc 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng, nợ lãi trong hạn 15.126.575 đồng, nợ lãi quá hạn 6.386.301 đồng. Tổng cộng nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn là: 131.512.876đ (một trăm ba mươi một triệu, năm trăm mười hai nghìn, tám trăm bảy mươi sáu đồng)

- Khoản vay ngày 18/6/2019 nợ gốc 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), nợ lãi trong hạn 9.797.260 đồng, nợ lãi quá hạn 638.630 đồng. Tổng cộng nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn là: 60.435.890đ (sáu mươi triệu, bốn trăm ba mươi lăm nghìn, tám trăm chín mươi đồng).

2. Tiền lãi phát sinh tính của hai khoản vay kể từ ngày 02/03/2021 theo hợp đồng tín dụng số 5213LAV201801694 ngày 14/6/2018 cho đến khi trả hết nợ.

3. Trường hợp vợ chồng ông Vương Văn B, bà Lương Thị K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng A – Chi nhánh huyện B, tỉnh Đắk Lắk, Phòng giao dịch T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp tài sản số 48/2017-TN ngày 06/6/2017 để thu hồi nợ gồm:

- Thửa đất số 67, tờ bản đồ số 68, diện tích 6.128,9m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 753326 do UBND huyện C cấp ngày 26/5/2016 địa chỉ thửa đất xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk cho người sử dụng đất Vương Văn B và Lương Thị K.

- Thửa đất số 40, tờ bản đồ số 68, diện tích 6.697,4m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 753325 do UBND huyện C cấp ngày 26/5/2016 địa chỉ thửa đất xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk cho người sử dụng đất Vương Văm B và Lương Thị K.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4, Về án phí: Vợ chồng ông Vương Văm B và Lương Thị K thuộc hộ nghèo nên được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng Nông nghiệp A – Chi nhánh huyện B, tỉnh Đắk Lắk, Phòng giao dịch T số tiền 4.594.000đ (bốn triệu năm trăm chín mươi bốn nghìn đồng) tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0010720 ngày 14/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Đắk Lắk.

Báo cho Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

+ Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện;
- Lưu HS - VT;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.
(đã ký)

Bùi Xuân Sơn